

Số: 62/2026/QĐST-HNGĐ

Đồng Nai, ngày 06 tháng 02 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 và khoản 4 Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 91/2026/TLST-VHNGĐ ngày 16 tháng 01 năm 2026 về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn”, giữa những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Người yêu cầu: Bà **Nguyễn Thị D**; Sinh năm: 1993.

Số CCCD: 04019304xxxx, ngày cấp: 06/07/2021. Nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội.

Địa chỉ: Tổ x, ấp QL, xã Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai.

- Người yêu cầu: Ông **Phạm Thành T**; Sinh năm: 1988.

Số CCCD: 07508800xxxx, ngày cấp: 10/4/2021. Nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội.

Địa chỉ: Tổ x, ấp QL, xã Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Xét thấy quan hệ giữa bà Nguyễn Thị D và ông Phạm Thành T là hôn nhân hợp pháp, ngày 29/01/2026, Tòa án đã tiến hành hòa giải để vợ chồng đoàn tụ; giải thích về quyền và nghĩa vụ giữa vợ và chồng, giữa cha, mẹ và con và các vấn đề khác có liên quan. Kết quả hòa giải đoàn tụ không thành. Các đương sự yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của họ như sau:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị D và ông Phạm Thành T thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Các đương sự trình bày trong thời kỳ hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị D và ông Phạm Thành T có 02 con chung là cháu Phạm Hữu T1; sinh ngày: 12/02/2014 và cháu Phạm Thành Đ, sinh ngày: 24/10/2015.

Sau khi ly hôn, bà D và ông T đã thống nhất thỏa thuận giao cho ông Phạm Thành T được tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho 02 con chung. Bà D đồng ý có nghĩa vụ đóng góp cho ông T tiền cấp dưỡng nuôi con chung với mức cấp dưỡng là 1.500.000đ (một triệu, năm trăm nghìn)đồng/01 tháng/01 cháu. Thời hạn cấp dưỡng tính từ ngày Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự có hiệu lực pháp luật cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

Kể từ ngày ông Phạm Thành T có đơn yêu cầu thi hành án mà bà Nguyễn Thị D chậm cấp dưỡng nuôi con theo thỏa thuận như trên, thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả với mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Các đương sự được quyền đến thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được quyền cản trở. Vì quyền lợi của con chung chưa thành niên các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật. Việc thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn, nghĩa vụ cấp dưỡng và chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại Điều 84, Điều 107, Điều 110 và Điều 118 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

[3] Về tài sản chung: Các đương sự trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[4] Về nợ chung: Các đương sự trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[5] Về lệ phí: Bà Nguyễn Thị D đồng ý chuyển 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn) đồng tạm ứng lệ phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0001504 ngày 16/01/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Nai sang nộp lệ phí dân sự sơ thẩm. Ông Phạm Thành T đồng ý chuyển 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn) đồng tạm ứng lệ phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0001500 ngày 16/01/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Nai sang nộp lệ phí dân sự sơ thẩm.

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 29/01/2026 là hoàn T1 tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

- 1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể**

như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị D và ông Phạm Thành T thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Giao cho ông Phạm Thành T được tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho 02 con chung là cháu Phạm Hữu T1, sinh ngày: 12/02/2014 và cháu Phạm Thành Đ, sinh ngày: 24/10/2015.

Bà Nguyễn Thị D có nghĩa vụ đóng góp cho ông Phạm Thành T tiền cấp dưỡng nuôi con chung với mức cấp dưỡng là 1.500.000đ (một triệu, năm trăm nghìn)đồng/01 tháng/01 cháu. Thời hạn cấp dưỡng tính từ ngày Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự có hiệu lực pháp luật cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

Kể từ ngày ông Phạm Thành T có đơn yêu cầu thi hành án mà bà Nguyễn Thị D chậm cấp dưỡng nuôi con theo thỏa thuận như trên, thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả với mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Các đương sự được quyền đến thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được quyền cản trở. Vì quyền lợi của con chung chưa thành niên các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật. Việc thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn, nghĩa vụ cấp dưỡng và chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại Điều 84, Điều 107, Điều 110 và Điều 118 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

- Về tài sản chung: Các đương sự trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

- Về nợ chung: Các đương sự trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

2. Về lệ phí: Bà Nguyễn Thị D phải chịu 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn) đồng lệ phí công nhận thuận tình ly hôn nhưng được khấu trừ vào số tiền 150.000 (một trăm năm mươi nghìn) đồng tạm ứng lệ phí mà bà D đã nộp theo biên lai thu số 0001504 ngày 16/01/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Nai. Ông Phạm Thành T phải chịu 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn) đồng lệ phí công nhận thuận tình ly hôn nhưng được khấu trừ vào số tiền 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn) đồng tạm ứng lệ phí mà ông T đã nộp theo biên lai thu số 0001500 ngày 16/01/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Nai. Bà D và ông T đã nộp đủ lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án

hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKSND khu vực 3 – Đồng Nai;
- UBND xã **QT**, H. Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai;
(nay là xã TB, tỉnh Đồng Nai theo GCNKH số **95/2013** ngày **15/10/2013**);
- THADS tỉnh Đồng Nai;
- Phòng THADS khu vực 3 – Đồng Nai;
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- Lưu hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Bùi Thị Liên